

NGHỊ QUYẾT

Về Nhiệm vụ và Đồ án điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng khu phức hợp Đak Đoa, huyện Đak Đoa, tỉnh Gia Lai đến năm 2035

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH GIA LAI
KHÓA XI, KỲ HỌP THỨ MƯỜI**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015;

Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 luật có liên quan đến quy hoạch ngày 20/11/2018;

Căn cứ Luật Xây dựng năm 2014;

Căn cứ Luật Quy hoạch đô thị năm 2009;

Căn cứ Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07/04/2010 của Chính phủ về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị;

Căn cứ Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015 của Chính phủ về quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 12/2016/TT-BXD ngày 29/06/2016 của Bộ Xây dựng về Quy định về hồ sơ của nhiệm vụ và đồ án quy hoạch xây dựng vùng, quy hoạch đô thị và quy hoạch xây dựng khu chức năng đặc thù;

Căn cứ Thông tư số 01/2017/TT-BTNMT ngày 09/2/2017 của Bộ Tài nguyên - Môi trường về quy định sử dụng đất xây dựng cơ sở văn hóa, y tế, giáo dục - đào tạo, thể dục - thể thao;

Xét Tờ trình số 1904/TTr-UBND ngày 30/8/2019 của UBND tỉnh về việc thông qua Nhiệm vụ và đồ án điều chỉnh Quy hoạch chung xây dựng Khu phức hợp tại huyện Đak Đoa, tỉnh Gia Lai đến năm 2035; Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - Ngân sách HĐND tỉnh và ý kiến thảo luận thống nhất của đại biểu HĐND tỉnh tại Kỳ họp,

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thông qua Nhiệm vụ và Đồ án điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng khu phức hợp Đak Đoa, huyện Đak Đoa, tỉnh Gia Lai đến năm 2035 (có bản Nhiệm vụ và Đồ án kèm theo).

Điều 2. Giao cho UBND tỉnh tổ chức thực hiện Nghị quyết này.

Nghị quyết này đã được HĐND tỉnh Gia Lai Khóa XI, Kỳ họp thứ Mười thông qua ngày 10 tháng 9 năm 2019 và có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Ủy ban TVQH;
- VPQH, VPCP;
- Bộ Xây dựng;
- TT Tỉnh ủy, HĐND, UBND, UBMTTQ tỉnh;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Các đại biểu HĐND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh;
- Các VP: TU, Đoàn ĐBQH, HĐND, UBND tỉnh;
- HĐND, UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- Website: <http://dbnd.gialai.gov.vn>;
- Báo Gia Lai; Đài PTTH tỉnh;
- Lưu: VT, TH.



CHỦ TỊCH

Đương Văn Trang



**NỘI DUNG NHIỆM VỤ VÀ ĐỒ ÁN ĐIỀU CHỈNH QUY HOẠCH CHUNG
XÂY DỰNG KHU PHỨC HỢP TẠI HUYỆN ĐẮK ĐOÀ,
TỈNH GIA LAI ĐẾN NĂM 2035**

*(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 180/NQ-HĐND ngày 10/9/2019
của HĐND tỉnh Gia Lai)*

1. Tên nhiệm vụ và đồ án quy hoạch: Điều chỉnh quy hoạch chung khu phức hợp Đak Đoa, huyện Đak Đoa, tỉnh Gia Lai đến năm 2035.

2. Lý do và sự cần thiết lập quy hoạch: Làm cơ sở để đầu tư phát triển lĩnh vực dịch vụ - du lịch, thể dục - thể thao và phát triển nhà ở của tỉnh.

3. Tính chất và mục tiêu quy hoạch

- Tính chất: Là một quần thể phức hợp du lịch sinh thái, vui chơi giải trí, văn hóa, thể dục - thể thao kết hợp phát triển đô thị được định hướng gắn với phát triển đô thị thị trấn Đak Đoa thành đô thị vệ tinh của thành phố Pleiku với đa dạng các khu chức năng như: Các khu nhà ở; khu sân golf; khu liên hợp thể dục - thể thao tỉnh kết hợp quảng trường cỏ hồng; khu công viên vui chơi giải trí, vườn thú, khu văn hóa.

- Mục tiêu:

+ Làm cơ sở để lập quy hoạch chi tiết các khu chức năng để làm cơ sở thực hiện dự án đầu tư.

+ Làm cơ sở để định hướng phát triển đô thị, nâng cấp đô thị thị trấn Đak Đoa.

+ Cụ thể hóa Quyết định số 382/QĐ-UBND ngày 10/8/2018 của UBND tỉnh về việc phê duyệt Chương trình phát triển nhà ở tỉnh Gia Lai giai đoạn 2018-2025 và tầm nhìn đến năm 2035.

+ Tạo động lực phát triển lĩnh vực dịch vụ, du lịch, thể dục - thể thao, văn hóa và phát triển nhà ở của tỉnh nói chung và huyện Đak Đoa nói riêng.

4. Địa điểm, ranh giới và hiện trạng sử dụng đất khu quy hoạch

* Địa điểm quy hoạch: Khu vực nghiên cứu thuộc địa phận thị trấn Đak Đoa, xã Glar và Tân Bình thuộc huyện Đak Đoa, tỉnh Gia Lai.

* Ranh giới quy hoạch:

- Phía Bắc: Giáp khu dân cư thị trấn Đak Đoa và Quốc lộ 19;

- Phía Nam: Giáp khu vực trồng cà phê, trồng tiêu thuộc xã Glar;

- Phía Đông: Giáp khu vực trồng cà phê, trồng tiêu xã Tân Bình và Glar;

- Phía Tây và Tây Nam: Giáp khu dân cư xã Glar và đường Phan Đình Phùng.

* Hiện trạng sử dụng đất: Tổng diện tích đất trong phạm vi nghiên cứu 517,25 ha (thị trấn Đak Đoa khoảng: 59 ha; xã Tân Bình: 264,83 ha; xã Glar: 193,42 ha). Chủ yếu đất thông do người địa phương trồng theo chương trình phủ xanh đất trống đồi trọc.

5. Quy mô quy hoạch

- Quy mô dân số: Định hướng đến năm 2035: 18.000 người. Trong đó:
 - + Dân số phát triển khu dân cư: 17.000 người.
 - + Dân số du lịch, văn lai: 20.000 người đến 60.000 người/năm. Dân số quy đổi thành dân số thường trú là: 1.000 người (thực hiện theo Nghị quyết 1210/2016/UBTVQH13 của Ủy ban thường vụ Quốc hội).
- Quy mô đất đai: 517,25 ha (Trong đó: thị trấn Đak Đoa: 59,0 ha; xã Tân Bình 264,83 ha; xã Glar: 193,42 ha).

6. Chỉ tiêu lập quy hoạch

a. Chỉ tiêu về sử dụng đất

STT	Hạng Mục	Chỉ tiêu	Đơn vị
1	Chỉ tiêu khu sân golf		
	Mật độ xây dựng gộp toàn khu	≤ 5	%
2	Chỉ tiêu khu liên hợp thể dục thể thao		
	Định mức sử dụng đất khu liên hợp	15÷20	ha
	Sân vận động nhiều môn (sức chứa 25-30 nghìn người)	4,5÷5,0	ha
	Bãi đỗ xe	2,5 - 4,0	ha
3	Chỉ tiêu du lịch sinh thái nghỉ dưỡng		
	Mật độ xây dựng gộp của khu nghỉ dưỡng (resort)	≤ 25	%
4	Chỉ tiêu khu công viên chuyên đề, công viên sinh thái		
	Mật độ xây dựng gộp	≤ 25	%
5	Chỉ tiêu khu công viên công cộng (đồi cỏ hồng)		
	Mật độ xây dựng	≤ 5	%
6	Chỉ tiêu khu nhà ở		
	Mật độ gộp	≤ 60	%
	Đất dân dụng	150÷200	m ² /người
	Đất khu ở, đơn vị ở	75,0	m ² /người

STT	Hạng Mục	Chỉ tiêu	Đơn vị
	Đất công trình công cộng và giáo dục	2,7 - 6,0	m ² /người
	Đất cây xanh	7 - 9	m ² /người
	Đất giao thông (tính đến đường liên khu vực)	≥6	%

- Xác định chỉ tiêu đất đơn vị ở là 75m²/người tăng hơn 25m²/người (Đối chiếu QCXDVN 01:2008/BXD). Lý do xây dựng chỉ tiêu tăng: Bố trí các nhóm nhà ở dạng thấp tầng kết hợp bố trí các quỹ đất cây xanh (trong đó có giữ lại cây thông hiện có).

b. Các chỉ tiêu hạ tầng kỹ thuật

STT	Hạng Mục	Chỉ tiêu	Đơn vị
	Chỉ tiêu hạ tầng kỹ thuật		
1	Cấp nước sinh hoạt	≥80	L/người/ ngày đêm
2	Thoát nước	80	% cấp sinh hoạt
3	Rác thải	1,0	kg/ng-ng
4	Cấp điện sinh hoạt	≥0,4	KWh/người.năm
	Cấp điện công trình công cộng	30	% cấp sinh hoạt
6	Thông tin liên lạc	01	01 máy/hộ

(Các chỉ tiêu khác thực hiện theo QCXDVN 01:2008/BXD; QCVN 07:2016/BXD)

7. Thành phần hồ sơ Nhiệm vụ và Đồ án quy hoạch

- Thực hiện theo Điều 11, Điều 12 Nghị định 44/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015 của Chính phủ về quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng;

- Thông tư 12/2016/TT-BXD ngày 29/06/2016 của Bộ Xây dựng về Quy định về hồ sơ của nhiệm vụ và đồ án quy hoạch xây dựng vùng, quy hoạch đô thị và quy hoạch xây dựng khu chức năng đặc thù;

8. Nội dung điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng

8.1. Định hướng phát triển không gian khu quy hoạch

Định hướng không gian chức năng khu vực lập quy hoạch vẫn giữ cơ cấu

04 khu vực không gian chức năng chính gồm: Khu sân golf, khu thể dục - thể thao tỉnh, khu du lịch - sinh thái, khu nhà ở, lần này điều chỉnh có bổ sung thêm:

***Khu vực 1:** Nằm ở phía Bắc khu vực quy hoạch, đây là khu vực phát triển đất ở, tiếp giáp với quốc lộ 19, đường Phan Đình Phùng với các chức năng: đất đơn vị ở, công trình công cộng đơn vị ở, đất quảng trường văn hóa (Theo quy hoạch chi tiết đã được duyệt tại khu vực có bố trí quảng trường văn hóa, trung tâm tổ chức các sự kiện);

***Khu vực 2:** Nằm ở trung tâm khu vực lập quy hoạch, đây là khu vực phát triển dự án sân golf và các chức năng bổ trợ khác. Theo định hướng Điều chỉnh quy hoạch khu vực có bổ sung thêm hệ thống không gian khách sạn - nhà hàng, khu nghỉ dưỡng và Trung tâm hội nghị quốc tế;

***Khu vực 3:** Nằm ở phía Tây - Tây Nam khu vực lập quy hoạch, đây là khu vực hình thành với chức năng là khu liên hợp thể thao tỉnh kết hợp với quảng trường cỏ hồng, vị trí tiếp giáp với đường tránh Quốc lộ 19 và đường Phan Đình Phùng kéo dài, thuận tiện cho người dân tiếp cận, khu vực được điều chỉnh quy hoạch bổ sung hệ thống không gian mở và các tiện ích nhằm kiến tạo khu vực không gian chức năng linh hoạt.

***Khu vực 4:** Nằm ở phía Nam và Đông Nam khu vực lập quy hoạch, với chức năng đất chủ yếu là công viên cây xanh, vui chơi giải trí và du lịch nghỉ dưỡng nay điều chỉnh bổ sung chức năng đất đơn vị ở, bố trí hệ thống công trình văn hóa, vườn thú và đất ở nhằm kiến tạo một khu vực đa dạng chức năng, nâng cao hiệu quả sử dụng đất cũng như khai thác tối ưu hiệu quả kinh tế của khu dự án trong tương lai.

8.2. Quy hoạch sử dụng đất

Tổng diện tích quy hoạch khoảng 517,25 ha, cơ cấu sử dụng đất xây dựng đô thị và các chức năng đặc thù khác như sau:

BẢNG TỔNG HỢP QUY HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT

	Hạng mục	Diện tích (ha)	Tỷ lệ (%)
STT	Tổng	517,25	100,00
1	Khu sân golf, dịch vụ golf, HTKT, giao thông sân golf...	197,30	38,14
2	Khu liên hợp TDTT tỉnh và đôi cỏ hồng	27,43	5,30
3	Khu biệt thự nhà ở (khu đơn vị ở) giai đoạn 01	105,52	20,40

	Hạng mục	Diện tích (ha)	Tỷ lệ (%)
4	Khu du lịch sinh thái và dịch vụ kết hợp khu đơn vị ở giai đoạn 02	167,15	32,32
5	Đất giao địa phương quản lý và phát triển dân cư	19,85	3,84

- Ghi chú: Đất đơn vị ở gồm đất ở, đất công trình dịch vụ khu ở (thương mại, nhà hợp tổ dân phố, trường học, hoa viên cây xanh, thể dục - thể thao, giao thông đến từng nhóm nhà ở, hạ tầng kỹ thuật).

8.3. Quy hoạch hạ tầng kỹ thuật

8.3.1. Quy hoạch hệ thống giao thông

- Giao thông đối ngoại: Trục đường tránh phía Nam quốc lộ 19, điểm đầu phía Đông đầu nối với quốc lộ 19 tại đường liên xã đi xã H'Nol và điểm cuối phía Tây đầu nối với đường vành đai thành phố Pleiku, chỉ giới 50m.

- Giao thông chính đô thị: Lấy trục quốc lộ 19 (đường Nguyễn Huệ) và đường Phan Đình Phùng là trục chính đô thị đầu nối vào khu quy hoạch.

- Công trình đầu mối: Bến xe nội đô theo bến xe hiện nay, ngoài ra dự kiến bến xe tải tại điểm giao nhau quốc lộ 19 và đường liên xã đi Kon Gang (khu vực chợ đầu mối).

BẢNG THỐNG KÊ MẶT CẮT GIAO THÔNG

TT	Số hiệu mặt cắt	Mặt cắt ngang (m)		
		Phân cách	Lòng đường	Hè đường
1	Mặt cắt A-A (Đường chính khu vực)	9	10,50x2	5,00x2
2	Mặt cắt B-B (Đường quốc lộ 19)	9	15,50x2	5,00x2
2	Mặt cắt B'-B' (Đường quốc lộ 19)	19	15,50x2+10,5	5,00+4,50
3	Mặt cắt C-C	0	7,50x2	7,50x2
4	Mặt cắt 1-1	0	6,00x2	4,00x2
5	Mặt cắt 1'-1'	19	10,50x2	5,00x2
6	Mặt cắt 2A-2A	14	6,00x2	3,00x2
7	Mặt cắt 2B-2B	5	10,50x2	5,00x2
8	Mặt cắt 3-3	0	5,25x2	5,00x2
9	Mặt cắt 4-4	0	3,50x2	4,00x2
10	Mặt cắt 5-5	0	3,00-3,50	3,00x2

8.3.2. Quy hoạch chuẩn bị kỹ thuật

- Chuẩn bị nền đất xây dựng: Dựa vào ưu thế nền đất cao, căn cứ vào cốt nền hiện hữu sẽ sử dụng phương pháp san lấp cân bằng đất đai tại chỗ.

- Hướng thoát dốc theo hướng địa hình, thoát về hướng Nam, hướng Đông Bắc, hướng Tây Bắc; từ Bắc xuống Nam, toàn bộ đô thị được phân thành 3 lưu vực thoát nước chính.

- Cao độ nền xây dựng dự kiến:

+ Cao độ cao nhất: 760m.

+ Cao độ thấp nhất: 730m.

+ Cao độ trung bình: 745m.

- Độ dốc nền xây dựng: $i_{XD} : 0,004 < i_{XD} < 0,06$.

8.3.3. Quy hoạch hệ thống cấp điện

- Toàn thị trấn được cấp điện từ đường dây 22KV thuộc xuất tuyến trạm cắt F12 Đak Đoa hiện có. Dự kiến giai đoạn dài hạn xây mới trạm trung gian 110/22 KV Đak Đoa để cấp điện cho thị trấn và các xã lân cận.

- Tổng công suất cấp điện : $P = 42.000 - 50.000 \text{KVA}$.

- Chọn hệ số sử dụng $K_{sd} = 0,7$; hệ số $\cos\varphi = 0,8$.

- Mạng điện phân phối:

+ Trạm biến áp 22/0,4 KV: Xây dựng mới các trạm biến áp 22/0,4 KV. Gồm các trạm có công suất 400KVA; 560KVA; 630KVA; 800KVA, 560KVA, 1250KVA, 1800KVA, 1600KVA, 2000KVA...

+ Đường dây 22 KV, 0,4 KV: Cải tạo và xây mới đường dây 22KV, 0,4 KV trong thị trấn.

- Chiếu sáng đô thị:

+ Lưới điện chiếu sáng giao thông trong thị trấn dùng 3 pha có cấp điện áp 380/220V. Cấp ngầm cấp chiếu sáng dùng loại Cu/xlpe/dsta/pvc chôn trong mương đất. Hệ thống chiếu sáng bao gồm các đèn cao áp trên cột liên căn bố trí dọc theo các trục đường giao thông.

+ Lưới chiếu sáng đường: Trên các trục đường chính dùng cáp ngầm, trên các đường nội bộ dùng dây nổi ABC bắt chung cột với các đường dây 22KV và 0,4KV. Tiết diện đường trục chính từ 16mm^2 đến 25mm^2 , các nhánh rẽ với các đường dây nổi 16mm^2 , với các đường cáp ngầm có thể nhỏ hơn 16mm^2 .

+ Đèn chiếu sáng dùng bóng đèn thủy ngân cao áp 125W đến 250W hoặc bóng LED 100W đến 120W khoảng cách trung bình giữa các đèn 30m - 50m.

8.3.4. Quy hoạch hệ thống cấp nước

- Hiện thị trấn có 03 trạm bơm cấp nước hoạt động, tổng công suất cấp nước chỉ đạt $2.370\text{m}^3/\text{ngày-đêm}$, khoảng 85,4% hộ dân sử dụng nguồn nước sạch từ trạm cấp nước thị trấn, còn lại sử dụng giếng đào, giếng khoan. Vì thế cần đầu tư xây dựng mở rộng hệ thống cấp nước sạch để cung cấp nước cho

người dân sử dụng.

- Phương án cấp nước sinh hoạt cho thị trấn:

- + Giai đoạn đầu 2017 - 2020: Nâng cấp 2 trạm bơm A, B hiện có, công suất hai trạm đạt $1.600\text{m}^3/\text{ngày-đêm}$. Nâng tổng công suất 3 trạm cấp nước lên $2.800\text{m}^3/\text{ngày-đêm}$. Đồng thời cải tạo nâng cấp, mở rộng đường ống các giếng khoang hiện có.

- + Giai đoạn dài hạn: Bổ sung cấp nước từ nguồn nhà máy nước Biên Hồ, thành phố Pleiku dẫn về. Dự kiến đầu nối vào đường ống nước sạch cấp 1 từ thành phố Pleiku về Đak Đoa, bố trí trạm bơm tăng áp tại ranh giới thành phố Pleiku - Đak Đoa. Nguồn nước nhà máy nước Biên Hồ sẽ là nguồn cấp chính cho thị trấn, khi thiếu sẽ bù nước từ 03 trạm cấp nước tại chỗ.

Tổng lưu lượng cấp nước cho toàn thị trấn đến năm 2030 khoảng $3.500\text{m}^3/\text{ngày-đêm}$. Tổng nhu cầu cấp nước khu phức hợp $18.000\text{m}^3/\text{ngày-đêm}$ đến $22.000\text{m}^3/\text{ngày-đêm}$.

- Mạng lưới đường ống cấp nước mạng vòng, đường ống nhựa HDPE có đường kính ống D280 - D250 - D200 - D150 - D100mm.

- Nước được qua xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước ăn uống: QCVN 01-2009/BYT rồi mới cấp cho sử dụng sinh hoạt.

8.3.5. Quy hoạch hệ thống thoát nước và xử lý môi trường

- Giai đoạn ngắn hạn sử dụng hệ thống thoát nước nửa riêng. Giai đoạn dài hạn xây dựng giếng ngăn tràn tại miệng xả cống thoát nước chung để tách nước thải sinh hoạt và nước mưa ra khỏi cống chung để gom dẫn về các trạm xử lý nước thải. Nước thải công nghiệp, y tế,... được xử lý bằng trạm xử lý nước thải cục bộ riêng của từng khu đảm bảo điều kiện vệ sinh môi trường sau đó thoát ra hệ thống thoát nước thải xử lý tập trung đạt tiêu chuẩn mới được xả vào hệ thống thoát nước chung.

- Tổng lưu lượng nước thải bằng 80% lượng nước cấp $Q = 10.900 - 15.000\text{m}^3/\text{ngày.đêm}$ (chỉ tính nước thải sinh hoạt).

- Hệ thống thoát nước mưa: Hướng thoát dốc theo hướng địa hình, thoát về hướng Nam, hướng Đông Bắc, hướng Tây Bắc; từ Bắc xuống Nam, toàn bộ đô thị được phân thành 3 lưu vực thoát nước chính:

- + Lưu vực I: Nằm ở phía Nam thị trấn, nước mưa tự chảy theo hệ thống các tuyến cống bố trí dọc các tuyến đường giao thông về các khe tự thủy ra suối;

- + Lưu vực II: Nằm ở phía Đông Bắc thị trấn, nước mưa tự chảy theo hệ thống các tuyến cống bố trí dọc các tuyến đường giao thông về các khe tự thủy;

- + Lưu vực III: Nằm ở phía Tây Bắc thị trấn, nước mưa tự chảy theo hệ thống các tuyến cống bố trí dọc các tuyến đường giao thông về các khe tự thủy;

Cống thoát nước mưa sử dụng cống tròn bê tông ly tâm có đường kính từ D600 đến D1500. Mương xây đá hộc rộng 800, sâu trung bình 1000. Các đoạn qua đường dùng cống tròn bê tông ly tâm có đường kính D1000.

- Hệ thống thoát nước thải:
- + Lưu vực thoát nước thải sinh hoạt theo lưu vực thoát nước mưa.
- + Công suất thoát nước thải: 10.900 -15.000m³/ngày đêm.
- + Xây dựng 06 trạm xử lý nước thải tập trung và hệ thống các trạm bơm nước thải sinh hoạt tại khu vực phía Bắc và phía Nam, công suất mỗi trạm 1.000m³/ngày đêm.
- + Cống thoát nước sử dụng cống tròn bê tông D600, D800, D1000, D1200, B1000. Mương xây đá hộc rộng 800, sâu trung bình 1000. Các đoạn qua đường dùng cống tròn bê tông ly tâm có đường kính D1000.

8.3.6. Quản lý chất thải rắn và nghĩa trang:

- Chất thải rắn:
- + Tổng lượng rác thải W= 23,0 tấn/ngày.
- + Chất thải rắn: Khu xử lý chất thải rắn cho thị trấn Đak Đoa hiện nay được quy hoạch xây dựng tại xã Glar có diện tích 5,0 ha - 10 ha.
- Nghĩa trang: Được quy hoạch xây dựng tại xã K'Dang có diện tích 22,7 ha để phục vụ cho thị trấn và các xã lân cận.

8.3.7. Quy hoạch hệ thống thông tin liên lạc:

- Nguồn cấp: Thị trấn Đak Đoa được cấp nguồn từ tổng đài vệ tinh trên địa bàn.
- Nhu cầu của khu quy hoạch (định hướng đến năm 2030):
- + Tỷ lệ đường dây thuê bao cố định 20 - 25 đường/100 dân: 5.625 thuê bao.
- + Tỷ lệ thuê bao Internet băng rộng cố định 15 - 20 thuê bao/100 dân: 4.500 thuê bao.
- + Tỷ lệ thuê bao băng rộng di động 35 - 40 thuê bao/100 dân: 9.000 thuê bao.
- + Tỷ lệ hộ gia đình có điện thoại cố định 40 - 45%; tỷ lệ hộ gia đình có truy cập Internet 35 - 40%; tỷ lệ người sử dụng Internet 55 - 60%.
- + Tỷ lệ ADSL: 100% được sử dụng đường truyền ADSL.

8.3.7. Một số quy định về không gian kiến trúc, cảnh quan đô thị

- Phát triển hạ tầng kinh tế, du lịch dịch vụ:

Hình thành các khu vui chơi giải trí, du lịch nghỉ dưỡng, du lịch sinh thái tiếp cận từ hai bên tuyến đường tránh quốc lộ 19. Các khu chức năng chính bao gồm: khu sân golf, khu nghỉ dưỡng sinh thái, công viên vui chơi giải trí, khu vườn thú...

Các khu thương mại dịch vụ bố trí tại các điểm cửa ngõ và hình thành trong các khu nhà ở. Hệ thống công trình dịch vụ bao gồm: Trung tâm thương mại, nhà hàng, khách sạn, trung tâm hội nghị...

- Phát triển văn hóa thể thao:

Khu quảng trường văn hóa tại điểm cửa ngõ của khu tiếp giáp với quốc lộ 19. Khu liên hợp thể thao tỉnh kết hợp với quảng trường cỏ hồng bố trí tiếp giáp với đường tránh quốc lộ 19, tạo nét đặc trưng của khu vực.

Khu văn hóa phát huy bản sắc truyền thống văn hóa trong các làng của đồng bào dân tộc thiểu số của địa phương.

- Phát triển hạ tầng xã hội:

Quyết định cho các cơ sở giáo dục (trường phổ thông trung học, trường trung học cơ sở, trường tiểu học và mầm non), các trung tâm y tế có khả năng cung cấp hệ thống hạ tầng kỹ thuật, phù hợp với quy mô dân số trong khu vực, đảm bảo bán kính phục vụ và quy mô dân số dự kiến theo quy hoạch và phục vụ cho nhu cầu của các khu vực lân cận.

8.4. Đánh giá môi trường chiến lược

- Thực hiện theo Điều 12 Nghị định 44/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015 của Chính phủ về quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng và các quy định khác có liên quan.

9. Tổ chức lập quy hoạch:

- Thời gian lập quy hoạch: Năm 2019.
- Cơ quan tổ chức lập quy hoạch: UBND huyện Đak Đoa.
- Cơ quan thông qua bằng nghị quyết: Hội đồng nhân dân tỉnh.
- Cơ quan phê duyệt quy hoạch: Ủy ban nhân dân tỉnh.
- Cơ quan chủ trì thẩm định: Sở Xây dựng.



